Tên: ……...

Lớp: S2…

Ngày giao bài: Thứ …, ngày …./….

Ngày nộp bài: Thứ …, ngày …./….

Week: 39

Từ vựng HW: ……

Nghe HW: ……

Skill Builder - Listening & Speaking

A. THEORY: EXTRA VOCABULARY

Con bấm vào link/code để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/s2_for_w39_skill-builder

No.	Word	Meaning	Picture	No.	Word	Meaning	Picture
1	**yummy** (adj)	ngon (cách nói thân mật)		5	**tasty** (adj)	ngon miệng (trung tính)	
2	**crunchy** (adj)	giòn		6	**delicious** (adj)	ngon tuyệt (mức độ khen cao)	
3	**juicy** (adj)	mọng nước		7	**cookie** (n)	bánh quy	
4	**sweet** (adj)	ngọt		8	**yogurt** (n)	sữa chua	

**Note:* *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.*

B. CLASSWORK

LISTENING: School Lunch

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

https://www.youtube.com/watch?v=ZAUHhHVCW1s

Exercise 1. Listen and tick the food you hear. *(Nghe và tích vào món ăn con nghe thấy.)*

- ☐ sandwich
- ☐ pizza
- ☐ apple
- ☐ cookie
- ☐ carrot
- ☐ yogurt
- ☐ tomato
- ☐ orange

LIVEWORKSHEETS

Exercise 2. Listen and match. *(Nghe và nối.)*

Food	Adjective
~~*0. sandwich*~~	A. crunchy
1. carrot	B. sweet
2. tomato	~~*C. yummy*~~
3. cookie	D. juicy
4. yogurt	E. tasty
5. orange	F. delicious

Your answers:

0 - C	1 -	2 -	3 -	4 -	5 - .....

C. HOMEWORK

VOCABULARY (15 questions)

Exercise 1. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục A. THEORY: EXTRA VOCABULARY (trang 1) một dòng vào vở ghi.

Exercise 2. Fill in the missing letters. *(Điền các chữ cái còn thiếu.)*

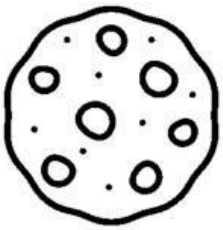

0. c o o k i e

1. ..... u i c .....

2. ..... u m ..... y

3. ..... w ..... e t

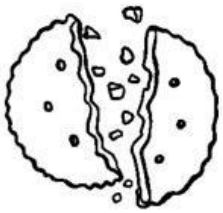

4. c ..... u n c ..... y

5. y o ..... u r .....

LIVEWORKSHEETS

Exercise 3. Unscramble the letters. *(Sắp xếp lại các chữ cái.)*

0. myumy → yummy

1. sttay → .....

2. jicyu → .....

3. ckieoo → .....

4. deiolicus → .....

5. crcunhy → .....

Exercise 4. Look, read and choose the correct answers. *(Nhìn, đọc và khoanh tròn đáp án đúng.)*

0.

This cake is so .....
I want more!

a. juicy
(b.) delicious

1.

This orange is so ..... I like orange juice!

a. crunchy
b. juicy

2.

I eat some ..... every morning. It is cold and creamy.

a. sandwich
b. yogurt

3.

These chips are very ..... I love the sound!

a. sweet
b. crunchy

LIVEWORKSHEETS

4.

Mum made a chocolate ..... It is round and yummy!

a. cookie
b. yogurt

5.

Wow, this pizza is so .....! Can I have more?

a. bad
b. tasty

LISTENING PRACTICE (5 questions)

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:
https://www.youtube.com/watch?v=ZAUHhHVCW1s

Listen again to the recording from CLASSWORK (page 1) and number the pictures (1-6).
(Nghe lại đoạn ghi âm trong phần CLASSWORK (trang 1) và đánh số các bức tranh (1-6).)

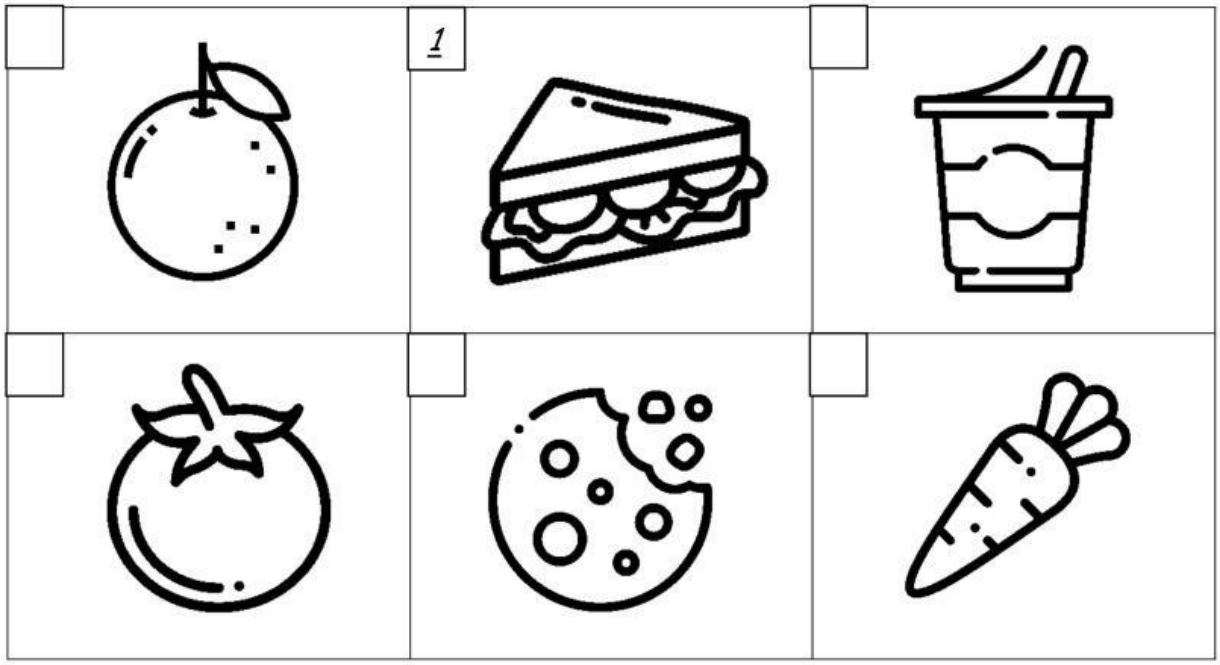

LIVEWORKSHEETS